TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/HN&GĐ-ST
Ngày: 13-12-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình.

2/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2023/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2023/QĐXXST-HN&GĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số 34, đường Tô Hiến Thành, tổ 6, khu phố 9, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số 34, đường Tô Hiến Thành, tổ 6, khu phố 9, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông S và bà L đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhăn vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx nhưng do bị mất nên đến năm 2013, ông S vào bà L mới thực hiện lại thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh; sau khi kết hôn thì ông S và bà L chung chung sống hạnh phúc được khoản 38 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có tiếng nói chung trogn công việc làm ăn kinh tế, dẫn đến cải vã, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, dẫn đến phải sống ly thân nhau, vào tháng 9/2022 ông S đã nộp đơn xin ly hôn bà L, tuy nhiên ông S suy nghĩ lại và rút đơn khởi kiện, nhưng cho đến nay, ông và bà L vẫn không thể hòa hợp, đoàn tụ với nhau được; hiện tại ông và bà L không còn quan hệ như vợ chồng, nay ông S xác định không còn tình cảm với bà L, mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà L.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Quá trình đi đến hôn nhân như ông S trình bày là đúng, bà L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ.

Bị đơn thừa nhận giữa bị đơn và nguyên đơn có mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân, cụ thể là mâu thuẫn về kinh tế gia đình, hiện tại hai bên đã sống ly thân và không con quan hệ như vợ chồng; bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn nếu nguyên đơn hoàn tất giấy tờ về đất cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Phạm văn S khởi kiện ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị L; bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 9, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, cho nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh không tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Ông S và bà L bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, tuy nhiên đến tháng 8/2023 ông S và bà L mới đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 128, đăng ký ngày 17/8/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx; hôn nhân giữa ông S và bà L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà L được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông S và bà L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì ông bà sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của ông S và bà L là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn kinh tế, dẫn đến cải vã; qua hòa giải và tại phiên tòa ông S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn

và kiên quyết ly hôn bà L, tuy nhiên bà L không đồng ý ly hôn ông S và bà L chỉ đồng ý ly hôn ông S khi ông S hoàn tất giấy tờ về đất cho bà L đứng tên.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà L đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S đối với bà L.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông S và bà L về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Văn S ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 128, đăng ký ngày 17/8/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn S hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề con chung, tài sản, nợ chung trong vụ án này.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn S phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0017544 ngày 04/10/2023. Ông S đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12/2023), để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Vx;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận